

Số: ~~365~~/QĐ-UBND

Hoài An, ngày 15 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
và hộ gia đình có mức sống trung bình năm 2018 trên địa bàn huyện Hoài An
(Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016- 2020)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 4314/UBND-VX ngày 29/09/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tại tờ trình số 38 /TTr-LĐTBXH ngày 12/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2018 trên địa bàn huyện (Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020), cụ thể như sau:

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện cuối năm 2018: 27.096 hộ, trong đó:

1. Số hộ nghèo: 3.335 hộ với 11.339 khẩu, chiếm tỷ lệ: 12,31 %
2. Số hộ cận nghèo: 2.226 hộ với 9.131 khẩu, chiếm tỷ lệ: 8,22 %

(Có bảng chi tiết kèm theo)

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các ban, ngành đoàn thể liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Phong

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA RÀ SOÁT HỘ NGHÈO NĂM 2018

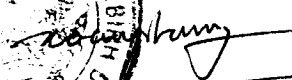
(Kèm theo Quyết định số 366/QĐ-UBND huyện Hoài Ân, ngày 15 tháng 11 năm 2018)

stt	ĐƠN VỊ XÃ, THỊ TRẤN	Số liệu cuối năm 2017			KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO NĂM 2018																			
		Tổng số hộ dân cư (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân cư (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân tộc thiểu số (hộ)	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Nhân khẩu nghèo (người)	Hộ nghèo về thu nhập (hộ)	Hộ nghèo thiếu hụt đa chiều (hộ)	Diễn biến hộ nghèo						Tỷ lệ hộ nghèo chung (%)	Hộ nghèo theo các nhóm đối tượng					
												Số hộ thoát nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ tái nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ phát sinh nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)		Hộ nghèo là DTTS (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ nghèo thuộc chính sách người có công	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11/2	12	12/7	13	13/7	14	15	15/7	16	16/7	17	17/7
1	Xã Ân Hào Đông	2,228	155	6,69	2,246	9,021	0	125	372	62	63	37	23,87	0	0,00	7	5,6	5,56	0	0,00	77	61,6	3	2,4
2	Xã Ân Hào Tây	1,273	446	35,03	1,276	5,276	0	383	1510	229	154	94	20,85	0	0,00	31	8,09	30,02	0	0,00	130	33,94	11	2,87
3	Xã Ân Mỹ	1,993	190	9,53	1,994	8,366	6	142	470	70	72	65	34,21	0	0,00	17	11,97	7,12	6	4,23	83	58,5	0	0,00
4	Xã Ân Tín	2,584	113	4,37	2,583	10,141	0	63	172	40	23	55	2,14	0	0,0	5	2,38	2,45	0	0,00	35	1,36	0	0,00
5	Xã Ân Thanh	2,696	129	4,78	2,760	10,585	0	125	422	85	40	39	31,2	0	0,00	35	28,0	4,53	0	0,00	35	28,00	1	0,8
6	Xã Ân Phong	2,188	100	4,57	2,168	8,362	2	100	274	49	51	24	22,6	0	0,00	18	19,00	4,61	1	1,00	27	27,00	0	0,00
7	TT-Tầng Bạt Hồ	2,197	92	4,19	2,369	9,807	0	74	181	43	31	22	23,91	0	0,00	3	4,05	3,12	0	0,00	23	31,1	2	2,7
8	Xã Ân Đức	2,766	135	4,88	2,801	10,859	0	133	387	80	53	36	21,48	0	0,00	32	25,56	4,74	0	0,00	10	7,51	0	0,00
9	Xã Ân Tường Đông	1,368	460	33,63	1,385	5,615	16	393	1244	179	214	114	24,48	0	0,00	47	10,43	28,37	10	2,54	60	15,3	10	2,54
10	Xã Ân Tường Tây	2,303	110	4,78	2,315	9,529	4	88	302	45	43	41	36,2	0	0,00	3	15,9	3,8	2	2,3	5	5,7	1	1,14
11	Xã Ân Hữu	1,596	559	35,03	1,617	6,542	0	477	1,552	267	210	140	25,2	0	0,00	58	12,2	29,5	0	0,00	109	23,00	11	2,3
12	Xã Ân Nghĩa	2,505	905	36,13	2,537	11,290	2	781	2,859	395	386	173	19,12	0	0,00	51	6,53	30,74	1	0,12	209	26,76	19	2,43
13	Xã Bók Tới	481	230	47,82	501	1,807	500	205	704	103	102	39	16,96	0	0,00	14	6,83	42,62	205	100	14	6,83	2	0,98
14	Xã Đák Mang	378	187	49,47	377	1,318	377	167	621	84	83	25	13,4	0	0,00	5	2,99	44,3	167	100	10	6,00	2	1,2
15	Xã Ân Sơn	163	88	53,99	167	555	153	79	269	28	51	9	10,22	0	0,00	0	0,00	47,31	78	98,73	2	2,53	0	0,00
	TỔNG CỘNG	26,719	3,899	14,59	27,096	109,073	1,060	3,335	11,339	1,759	1,576	913	23,42	0	0,00	326	9,78	12,31	470	14,09	829	24,86	62	1,86

Hoài Ân, ngày 13 tháng 11 năm 2018

TM. BCĐ ĐIỀU TRA RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO HUYỆN HOÀI AN

PHÓ BAN TRƯC

UBND HUYỆN HOÀI AN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Phong


Phòng Lao Động Thương Binh và Xã Hội

Tạ Ngọc Định
Phó Phòng phụ trách Phòng LĐ-TB&XH huyện

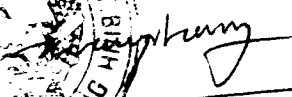
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA RÀ SOÁT HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND huyện Hoài Ân, ngày 13 tháng 11 năm 2018)

stt	Đơn vị, xã, thị trấn	Số liệu cuối năm 2017			KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2018																	
		Tổng số hộ dân cư (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân cư (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân tộc thiểu số (hộ)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)	Nhân khẩu cận nghèo (người)	Diễn biến hộ cận nghèo						Tỷ lệ hộ cận nghèo chung (%)	Hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng					
										Số hộ thoát cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ tái cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ phát sinh cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)		Hộ cận nghèo là DTTS (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo thuộc chính sách người có công (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Xã Ân Hào Đông	2,228	84	3,77	2,246	9,021	0	72	246	23	27.38	0	0.00	11	15.28	3.21	0	0.00	18	25.00	3	4.17
2	Xã Ân Hào Tây	1,273	375	29,46	1,276	5,276	0	377	1,739	70	18.67	0	0.00	72	19.10	29.55	0	0.00	28	7.43	6	1.59
3	Xã Ân Mỹ	1,993	110	5,52	1,994	8,366	6	109	352	93	84.55	0	0.00	57	52.29	5.47	0	0.00	0	0.00	0	0.00
4	Xã Ân Tín	2,584	143	5,53	2,583	10,141	0	83	312	86	60.14	0	0.00	25	30.12	3.21	0	0.00	0	0.00	0	0.00
5	Xã Ân Thạnh	2,696	75	2,78	2,760	10,585	0	75	300	34	45.33	0	0.00	34	45.33	2.72	0	0.00	10	13.33	0	0.00
6	Xã Ân Phong	2,188	80	3,65	2,168	8,362	2	84	284	22	27.50	0	0.00	27	32.14	3.87	0	0.00	11	13.10	1	1.19
7	TT-Tăng Bạt Hồ	2,197	45	2,05	2,369	9,807	0	37	92	12	26.67	0	0.00	0	0.00	1.56	0	0.00	10	27.03	0	0.00
8	Xã Ân Đức	2,766	112	4,05	2,801	10,859	0	130	430	22	19.64	0	0.00	44	33.85	4.64	0	0.00	13	10.00	0	0.00
9	Xã Ân Tường Đông	1,368	297	21,71	1,385	5,615	16	222	962	157	52.86	0	0.00	86	38.74	16.03	0	0.00	0	0.00	0	0.00
10	Xã Ân Tường Tây	2,303	55	2,39	2,315	9,529	4	44	167	29	52.73	0	0.00	0	0.00	1.90	0	0.00	7	15.91	0	0.00
11	Xã Ân Hữu	1,596	427	26,75	1,617	6,542	0	279	1,180	172	40.28	0	0.00	26	9.32	17.25	0	0.00	11	3.94	6	2.15
12	Xã Ân Nghĩa	2,505	477	19,04	2,537	11,290	2	515	2,388	135	28.30	0	0.00	173	33.59	20.30	0	0.00	0	0.00	5	0.97
13	Xã Bók Tới	481	78	16,22	501	1,807	500	78	310	23	29.49	0	0.00	23	29.49	15.57	78	100.00	1	1.28	1	1.28
14	Xã Đák Mang	378	87	23,02	377	1,318	377	91	267	5	5.75	0	0.00	17	18.68	24.14	91	100.00	0	0.00	0	0.00
15	Xã Ân Sơn	163	34	20,86	167	555	153	30	102	13	38.24	0	0.00	9	30.00	17.96	25	83.33	0	0.00	2	6.67
	TỔNG CỘNG	26,719	2,479	9,28	27,096	109,073	1060	2,226	9,131	896	36.14	0	0.00	604	27.13	8.22	194	8.72	109	4.90	24	1.08

Hoài Ân, ngày 13 tháng 11 năm 2018

TM. BCĐ ĐIỀU TRA RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO HUYỆN HOÀI AN

UBND HUYỆN HOÀI AN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Phong

PHÓ BAN TRƯC

Tạ Ngọc Định
Phó phòng phụ trách Phòng LĐ-TB&XH huyện